

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ GIẢNG DẠY MÔN BÓNG RỔ CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC HUẾ THEO HÌNH THỨC CÂU LẠC BỘ

Lê Cát Nguyên*, Nguyễn Thị Quỳnh Nga**
Trần Thanh Tú**, Nguyễn Đôn Vinh***

ABSTRACT

Hue University is implementing the teaching of Physical Education subject in 02 forms: basic physical education and physical education in club model (three subjects are being piloted: basketball, volleyball and table tennis). In order to contribute to the evaluation of the effectiveness of physical education in club model, the topic assessed the effectiveness of teaching basketball in club model after one semester with 03 contents: assess the development of physical strength, assess learning outcomes and assess the interest of students in learning process. The evaluation results have partly shown that teaching basketball in club model has initially brought positive learning effects to Hue University students.

Keywords: *Efficiency; Teaching; Basketball; Club model; Hue University.*

Ngày nhận bài: 2/7/2021; Ngày phản biện: 6/7/2021; Ngày duyệt đăng: 12/7/2021

1. Đặt vấn đề

Nhằm đa dạng hình thức và nội dung giảng dạy môn Giáo dục thể chất (GDTC) để đáp ứng nhu cầu của sinh viên (SV), góp phần nâng cao hiệu quả của công tác GDTC, từ năm học 2019-2020 Khoa GDTC- Đại học Huế (ĐHH) đã triển khai “Đề án giảng dạy môn GDTC tại ĐHH theo nhu cầu, sở thích của người học (hình thức câu lạc bộ (CLB))”. Chương trình mới này triển khai thí điểm 03 môn là Bóng rổ, Bóng bàn và Bóng chuyên để giảng dạy cho sinh viên (SV) ĐHH. Với mục đích góp phần giúp Khoa GDTC có cơ sở đánh giá hiệu quả của việc giảng dạy môn GDTC theo hình thức CLB, từ đó kịp thời điều chỉnh để việc giảng dạy đạt hiệu quả cao hơn, chúng tôi đã tiến hành đánh giá hiệu quả giảng dạy môn Bóng rổ cho SV ĐHH theo hình thức CLB sau một học kỳ. Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi đã sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; phương pháp kiểm tra sự phạm; phương pháp phỏng vấn và phương pháp toán học thống kê.

2. Nội dung nghiên cứu

Để đánh giá hiệu quả giảng dạy môn Bóng rổ cho SV ĐHH theo hình thức CLB, chúng tôi tiến hành đánh giá các nội dung sau: Sự phát triển các tố chất thể lực, kết quả học tập và mức độ hứng thú trong quá trình học tập của SV. Đối tượng kiểm tra, khảo sát gồm 39 SV học môn Bóng rổ theo hình thức CLB và 216 SV học môn Bóng rổ theo chương trình

GDTC cơ bản.

2.1. Đánh giá sự phát triển các tố chất thể lực của nhóm SV học tập môn Bóng rổ theo hình thức CLB tại ĐHH

Thông qua phân tích các tài liệu liên quan, kết hợp với phương pháp phỏng vấn chuyên gia, đề tài đã lựa chọn 4 test được quy định trong Quyết định số 53/2008/BGDĐT do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để đánh giá trình độ thể lực của nhóm SV ĐHH tham gia học môn Bóng rổ theo hình thức CLB, gồm: Nằm ngửa gập bụng (lần/30s), bật xa tại chỗ (cm), chạy 30m xuất phát cao (XPC) (s) và chạy tùy sức 5 phút (mét). Kết quả kiểm tra, đánh giá được trình bày ở bảng 2.1 và bảng 2.2.

Kết quả bảng 2.1 cho thấy, sau khi kết thúc học kỳ, kết quả kiểm tra các test về tố chất thể lực của nhóm SV học môn Bóng rổ theo hình thức CLB hầu hết đều có sự phát triển. Trong đó, test nằm ngửa gập bụng và bật xa tại chỗ (SV nam) và test chạy tùy sức 5 phút (SV nữ) sự khác biệt giữa 2 thời điểm đầu học kỳ và kết thúc học kỳ là có ý nghĩa về mặt thống kê (tính $>$ bảng ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$). Đối với SV nam, mức độ tăng trưởng đạt từ 0.00% đến 42.857%, mức tăng trưởng trung bình là 21.059%. Đối với SV nữ, mức độ tăng trưởng đạt từ 18.181% đến 28.571%, mức tăng trưởng trung bình là 23.765%.

Để khẳng định thêm về sự phát triển các tố chất thể lực của nhóm SV học môn Bóng rổ theo hình thức CLB, đề tài tiến hành so sánh với kết quả kiểm tra của nhóm SV học môn Bóng rổ theo hình thức cơ bản. Kết quả được trình bày ở bảng 2.2.

* TS, Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế

** ThS, Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế

*** CN, Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế

Bảng 2.1: Kết quả đánh giá sự phát triển các tố chất thể lực của nhóm SV học môn Bóng rổ theo hình thức CLB sau khi kết thúc HK ($n_{nam} = 22; n_{nữ} = 17$)

TT	Nội dung kiểm tra	Giới tính	Mức đạt	Kết quả kiểm tra ($x \pm \delta$)		Sự khác biệt		Số SV đạt yêu cầu				W%
				Bắt đầu HK	Kết thúc HK	t	P	Bắt đầu HK		Kết thúc HK		
								n	%	n	%	
1	Năm ngựa gấp bụng (lần/30s)	Nam	≥ 18	18.08 \pm 3.02	18.41 \pm 1.67	3.328	<0.05	13	59.09	16	72.73	20.689
		Nữ	≥ 17	16.73 \pm 2.14	17.05 \pm 1.44	1.571	>0.05	10	58.82	12	70.59	18.181
2	Bật xa tại chỗ (cm)	Nam	≥ 209	210.25 \pm 10.8	212.74 \pm 15.68	2.625	<0.05	11	50.00	17	77.27	42.857
		Nữ	≥ 155	147.33 \pm 9.61	150.8 \pm 15.09	1.628	>0.05	10	58.8	13	76.47	26.086
3	Chạy 30m XPC (s)	Nam	≤ 5.60	5.75 \pm 0.46	5.62 \pm 0.50	1.796	>0.05	13	59.09	16	72.73	20.689
		Nữ	≤ 6.60	6.17 \pm 0.26	6.04 \pm 1.05	1.574	>0.05	9	52.94	12	70.59	28.571
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	Nam	≥ 960	985.25 \pm 52.85	992.65 \pm 42.80	1.899	>0.05	13	59.09	13	59.09	0.000
		Nữ	≥ 890	825.33 \pm 74.57	865.86 \pm 58.44	6.650	<0.05	8	47.06	10	58.82	22.222
W		Nam										21.059
		Nữ										

Bảng 2.2: So sánh sự phát triển các tố chất thể lực giữa nhóm SV học môn Bóng rổ theo hình thức CLB và nhóm SV học môn BR theo hình thức cơ bản sau khi kết thúc HK

TT	Nội dung kiểm tra	Giới tính	Mức đạt	Số SV đạt yêu cầu thời điểm bắt đầu HK				Sự khác biệt		Số SV đạt yêu cầu thời điểm kết thúc HK				Sự khác biệt	
				Hình thức CLB ($n_{nam} = 22; n_{nữ} = 17$)		Hình thức cơ bản ($n_{nam} = 124; n_{nữ} = 92$)		$\chi^2_{tính}$	$\chi^2_{bảng}$	Hình thức CLB ($n_{nam} = 22; n_{nữ} = 17$)		Hình thức cơ bản ($n_{nam} = 124; n_{nữ} = 92$)		$\chi^2_{tính}$	$\chi^2_{bảng}$
				n	%	n	%			n	%	n	%		
1	Năm ngựa gấp bụng (lần/30s)	Nam	≥ 18	13	59.09	73	58.87	0.000	3.841	16	72.73	78	62.90	0.786	3.841
		Nữ	≥ 17	10	58.82	52	56.52	0.031		12	70.59	56	60.87	0.571	
2	Bật xa tại chỗ (cm)	Nam	≥ 209	11	50.00	57	45.96	0.122		17	77.27	58	46.77	6.957	
		Nữ	≥ 155	10	58.8	55	59.78	0.005		13	76.47	58	64.44	1.139	
3	Chạy 30m XPC (s)	Nam	≤ 5.60	13	59.09	71	57.26	0.026		13	59.09	73	58.87	0.000	
		Nữ	≤ 6.60	9	52.94	51	55.43	0.036		12	70.59	56	60.87	0.577	
4	Chạy tùy sức 5 phút (s)	Nam	≥ 960	13	59.09	75	60.48	0.015		16	72.73	77	62.09	0.913	
		Nữ	≥ 890	8	47.06	42	45.65	0.011		10	58.82	41	44.57	1.171	

Bảng 2.2 cho thấy, ở thời điểm bắt đầu học kỳ, kết quả kiểm tra thể lực của SV 02 nhóm là tương đương nhau, nhưng đến thời điểm kết thúc học kỳ, mặc dù sự khác biệt về kết quả kiểm tra của 02 nhóm chưa có ý nghĩa về mặt thống kê ($\chi^2_{tính} < \chi^2_{bảng}$ ở ngưỡng xác suất $P = 0.05$, trừ test bật xa tại chỗ của SV nam), tuy nhiên kết quả kiểm tra vẫn có sự tăng trưởng. Đồng thời thống kê tỉ lệ % SV đạt yêu cầu về kiểm tra thể lực theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho thấy, ở tất cả các test kết quả kiểm tra của nhóm SV học môn Bóng rổ theo hình thức CLB đã có sự phát triển tốt hơn so với nhóm SV học theo hình thức cơ bản (đặc biệt kết quả kiểm tra các test chạy tùy sức

5 phút của SV nam, bật xa tại chỗ và chạy tùy sức 5 phút của SV nữ ở thời điểm bắt đầu học kỳ kém hơn nhóm SV học theo hình thức cơ bản, nhưng khi kết thúc học kỳ thì đã có kết quả kiểm tra tốt hơn). Điều này cho thấy việc học tập môn Bóng rổ theo hình thức CLB đã phần nào tác động tốt đến sự phát triển các tố chất thể lực của SV ĐHH.

2.2. So sánh kết quả học tập môn BR của nhóm SV học theo hình thức CLB và nhóm SV học theo hình thức cơ bản

Bên cạnh nội dung đánh giá sự phát triển các tố chất thể lực của SV, đề khẳng định thêm về tính hiệu quả của việc giảng dạy môn Bóng rổ theo hình thức

CLB, đề tài tiến hành so sánh kết quả học tập môn Bóng rổ của nhóm SV học theo hình thức CLB và nhóm SV học theo hình thức cơ bản. Kết quả được trình bày ở bảng 2.3.

Bảng 2.3: So sánh kết quả học tập môn Bóng rổ của nhóm SV học theo hình thức CLB và nhóm SV học theo hình thức cơ bản

TT	Điểm	Kết quả học tập môn BR				$\chi^2_{\text{tính}}$	$\chi^2_{\text{bảng}}$
		Hình thức CLB (n = 39)		Hình thức cơ bản (n = 216)			
		n	%	n	%		
1	≥ 7 điểm (Điểm A, B)	24	61.54	66	30.55	14.283	13.815
2	Từ 4 - 6.9 điểm (Điểm C, D)	15	38.46	144	66.67		
3	< 4 điểm (Điểm F)	0	0.00	6	2.78		

Từ kết quả thu được ở bảng 2.3 cho thấy, có sự khác biệt rõ rệt về kết quả học tập môn Bóng rổ của nhóm SV học theo hình thức CLB và nhóm SV học môn Bóng rổ theo hình thức cơ bản với $\chi^2_{\text{tính}} = 14.283 > \chi^2_{\text{bảng}} = 13.815$, $P = 0.001$. Điều đó một lần nữa lại khẳng định sự hiệu quả của việc giảng dạy và học tập môn Bóng rổ theo hình thức CLB.

2.3. Đánh giá mức độ hứng thú của SV khi tham gia học tập môn Bóng rổ theo hình thức CLB

Để đánh giá mức độ hứng thú của SV khi tham gia học tập môn Bóng rổ theo hình thức CLB, sau khi kết thúc học kỳ, đề tài tiến hành phỏng vấn và so sánh ý kiến của nhóm SV học theo hình thức CLB và nhóm SV học theo hình thức cơ bản về động cơ học tập, mức độ hứng thú trong quá trình học tập... Kết quả được trình bày ở bảng 2.4.

Bảng 2.4: Mức độ hứng thú của SV khi tham gia học môn Bóng rổ theo hình thức CLB

Nội dung		Hình thức CLB (n = 39)		Hình thức cơ bản (n = 216)		$\chi^2_{\text{tính}}$	$\chi^2_{\text{bảng}}$
		n	%	n	%		
Động cơ học tập	1) Yêu thích môn BR	5	12.82	13	6.02	43.244	13.815
	2) Hoàn thành chứng chỉ GDTC	8	20.51	160	75.07		
	3) Vừa hoàn thành chứng chỉ GDTC vừa được học môn thể thao yêu thích	26	66.67	43	19.91		
Mức độ hứng thú trong quá trình học tập	1) Hứng thú	34	87.18	55	25.46	56.224	13.815
	2) Bình thường	4	10.26	60	27.78		
	3) Không hứng thú	1	2.56	101	46.76		

Kết quả ở bảng 2.4 cho thấy, nhóm SV học môn Bóng rổ theo hình thức CLB có động cơ học tập đúng đắn và hứng học tập cao hơn hẳn so với nhóm SV học môn Bóng rổ theo hình thức cơ bản khi SV được chủ động lựa chọn môn thể thao yêu thích để đăng ký học (sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê khi $\chi^2_{\text{tính}} > \chi^2_{\text{bảng}}$ với $P = 0.001$). Đây là một trong những nguyên nhân quan trọng góp phần giúp cho việc giảng dạy, học tập môn Bóng rổ theo hình thức CLB đạt hiệu quả cao hơn so với hình thức GDTC cơ bản.

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu đã bước đầu khẳng định tính hiệu quả của việc giảng dạy môn Bóng rổ cho SV ĐHH theo hình thức CLB. Đây là cơ sở để Khoa GDTC có thể tiếp tục triển khai, mở rộng việc giảng dạy theo hình thức CLB đối với những môn thể thao khác để đáp ứng nhu cầu, sở thích của SV ĐHH khi tham gia học tập môn GDTC.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Quy định về kiểm tra đánh giá thể lực HSSV ban hành kèm theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/09/2008*, Hà Nội.
2. Dương Nghiệp Chí và cộng sự (2003), *Thực trạng Thể chất của người Việt Nam từ 6 đến 20 tuổi* (thời điểm năm 2001), NXB Thể dục thể thao Hà Nội.
3. Dương Nghiệp Chí, Trần Đức Dũng, Tạ Hữu Hiếu, Nguyễn Đức Văn (2004), *Đo lường thể thao*, NXB Thể dục thể thao.
4. Lê Quang Dũng và nhóm nghiên cứu (2018), *Một số giải pháp nâng cao thể lực cho sinh viên Đại học Huế*, Đề tài KH&CN cấp Bộ GD&ĐT.
5. Đồng Hương Lan (2016), *Nghiên cứu phát triển thể chất của học sinh THPT chuyên các tỉnh bắc miền trung*, Luận án tiến sĩ KHGD, ĐH Thể dục thể thao Bắc Ninh.
6. Nguyễn Xuân Sinh, Lê Văn Lãm, Lưu Quang Hiệp, Phạm Ngọc Viễn (2006), *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học TDTT*, NXB Thể dục thể thao Hà Nội.